TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **276**/2019/DS-PT
Ngày: **10/4/2019**
V/v *Tranh chấp về quyền sở hữu đối với tiền trợ cấp tuất một lần, tiền trợ cấp mai táng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hiền**.

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Liên Minh**;

Ông **Nguyễn Tiến Dũng.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Nguyễn Phương Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Hoàng Anh Nga** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/4/2019, ngày 10/4/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 97/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về quyền sở hữu đối với tiền trợ cấp tuất một lần, tiền trợ cấp mai táng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2493/2018/DS – ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 718/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1473/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim N –** sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 485/6 đường P, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Song T** – sinh ngày 16/8/1959.

Địa chỉ: Số 399 đường B, Phường 13, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị L** – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 399 đường B, Phường 13, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Lê Thanh H** – sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 485/6 đường P, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Lê Song T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim N trình bày:

Ông Lê Ứng U và bà Nguyễn Thị Q (chết năm 1990) có 04 người con là: Lê Song T, Lê Thị Kim N, Lê Thanh H và Lê Thanh S (chết năm 1993). Ông Lê Ứng U chết ngày 12/7/2017. Sau khi ông U chết, bà và ông H đã ủy quyền cho ông Lê Song T nhận tiền trợ cấp mai táng và tiền tuất một lần của ông Lê Ứng U tại Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 2282/QĐ-BHXH ngày 27/7/2017 của Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh thì tiền trợ cấp mai táng là 13.000.000 đồng, tiền tuất một lần là 20.331.900 đồng, tổng cộng là 33.331.900 đồng. Ông T đã nhận các khoản tiền này nhưng không trả cho bà và ông H. Khi ông U chết, bà là người đã lo mai táng, chi trả tất cả các khoản tiền liên quan đến việc tổ chức đám tang cho ông U bao gồm: chi phí xây mộ, mai táng…. Tổng số tiền là: 240.000.000 đồng. Do vậy, bà là người được hưởng số tiền trợ cấp mai táng do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả. Bà khởi kiện yêu cầu ông Lê Song T và bà Lê Thị L (vợ ông T) phải liên đới trả số tiền 33.331.900 đồng cho bà.

Ngày 05/4/2018, bà đã có đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền tiền trợ cấp mai táng của ông Lê Ứng U là 13.000.000 đồng và đồng ý chia số tiền tuất là 20.3331.900 đồng cho bà, ông Tùng, ông H mỗi người là 6.777.300 đồng. Bà yêu cầu ông Lê Song T phải trả cho bà tổng số tiền là 19.777.300 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị L phải liên đới trả số tiền này. Bà đồng ý nhận số tiền ông H được chia từ tiền tuất của ông Lê Ứng U mà ông H cho bà. Như vậy, số tiền bà yêu cầu ông Tùng phải trả cho bà là 26.554.600 đồng.

Tại đơn phản tố ngày 23/11/2017, bản tự khai ngày 23/11/2018 và các văn bản trình bày ý kiến, bị đơn là ông Lê Song T trình bày:

Ông xác nhận phần trình bày của bà N về quan hệ nhân thân là đúng. Ông đã nhận và đang giữ số tiền 33.331.900 đồng, trong đó tiền trợ cấp mai táng là 13.000.000 đồng và tiền tuất một lần của ông Lê Ứng U là 20.331.900 đồng, theo Quyết định số 2282/QĐ-BHXH về việc hưởng chế độ tử tuất một lần, phiếu chi số 01375 ngày 11/8/2017.

Ngày 23/11/2017, ông nộp đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bà Lê Thị Kim N và ông Lê Thanh H trả cho ông số tiền 297.778.100 đồng là tiền di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Q để lại. Ngày 10/01/2018, tại đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu phản tố, ông yêu cầu ông H và bà N mỗi người phải trả cho ông 103.889.050 đồng là tiền di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Q để lại. Ngày 03/4/2018, ông có đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ còn yêu cầu bà N và ông H trả số tiền 57.778.100 đồng

và ngày 06/7/2018 ông nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với bà Lê Thị Kim N và ông Lê Thanh H.

Ông không đồng ý với yêu cầu của bà N về việc buộc ông phải trả số tiền trên cho bà N, chỉ đồng ý chia số tiền 13.000.000 đồng làm 3 phần và chia số tiền trợ cấp tuất một lần là 20.331.900 đồng làm 3 phần cho ông, bà N, ông H.

Tại bản tự khai và các biên bản của Tòa án ông Lê Thanh H trình bày:

Ông xác nhận lời khai của bà Lê Thị Kim N về quan hệ nhân thân, về việc bà Nchi trả toàn bộ số tiền làm đám tang của ông Lê Ứng U, về việc ông T đại diện các con của ông U nhận số tiền trợ cấp mai táng, trợ cấp tuất một lần của ông U và việc ông T chưa trả lại hai khoản tiền này cho bà N và ông là đúng. Ông thống nhất với yêu cầu của bà N về việc bà N được hưởng toàn bộ tiền trợ cấp mai táng và yêu cầu về việc chia số tiền tuất một lần của ông U cho 03 người là bà N, ông T và ông mỗi người được 6.770.300 đồng. Ông tự nguyện cho bà Lê Thị Kim N số tiền trợ cấp tuất một lần mà ông được chia.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L: Bà Lđã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại bản án số 2493/2018/DS – ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 3, Điều 66, Điều 69, Điều 70 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N về việc yêu cầu bà Lê Thị L phải liên đới trách nhiệm với ông Lê Song T trả số tiền 26.554.600 đồng.

2. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Song T về việc buộc bà Lê Thị Kim N và ông Lê Thanh H trả số tiền 297.778.100 đồng là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Q để lại.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Kim N. Buộc ông Lê Song T phải trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền là 26.554.600 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nhung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Tùng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chưa thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Song T phải chịu án phí là 988.865 đồng (chín trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm sáu mươi lăm đồng), nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí là 5.194.000 đồng (năm triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003866 ngày 22/01/2018 cho của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, sau khi cấn trừ ông Lê Song T được nhận lại 4.205.135 đồng (bốn triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

Bà N phải chịu án phí là 677.730 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm ba mươi đồng), nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí là 825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003123 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Sau khi cấn trừ bà Lê Thị Kim N được nhận lại số tiền 147.270 đồng (một trăm bốn mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi đồng).

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 14/12/2018, bị đơn ông Lê Song T nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn đồng thời là người kháng cáo ông Lê Song T kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là phần quyết định của Tòa án sơ thẩm về quyền sở hữu đối với số tiền trợ cấp mai táng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Lý do kháng cáo: kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với những chứng cứ, tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của phía bị đơn; Có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn; Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của phía bị đơn. Căn cứ kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 14/12/2018; Quyết định số 2282/QĐ-BHXH ngày 27/7/2017 về việc hưởng chế độ tử tuất một lần của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy giới thiệu số 54-GGT/BTCTU của Ban Tổ chức Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy giới thiệu số 84/GT ngày 20/7/2017 của Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp; Hợp đồng tổ chức lễ tang số 130/HĐ-NTL ngày 13/7/2017; Phiếu thu ngày 20/7/2017.

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày: Bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông Lê Song T phải trả cho bà số tiền trợ cấp mai táng của ông Lê Ứng U là 13.000.000 đồng và đồng ý chia số tiền tuất là 20.3331.900 đồng cho bà, ông T, ông H mỗi người là 6.777.300 đồng; tổng số tiền là 19.777.300 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn

ông T, bà N không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H trình bày: Ông H thống nhất với yêu cầu của bà N về việc bà N được hưởng toàn bộ tiền trợ cấp mai táng và yêu cầu về việc chia số tiền tuất một lần của ông U cho 03 người là bà N, ông T và ông mỗi người được 6.770.300 đồng. Ông H tự nguyện cho bà N số tiền trợ cấp tuất một lần mà ông H được chia. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T, ông H không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, không rõ lý do, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có phần trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Song T trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L (vợ ông Lê Song T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần hai, không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Lê Thị L.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1.1] Căn cứ lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Tờ kê khai nhân thân ngày 21/7/2017 *(BL 150-152)*, kết quả thu thập chứng cứ của Công an Phường 5, quận Gò Vấp *(BL 212-217)*, có cơ sở để xác định ông Lê Ứng U (chết ngày 12/7/2017) và bà Nguyễn Thị Q (chết năm 1990) có 04 người con là ông Lê Song T, bà Lê Thị Kim N, ông Lê Thanh H và ông Lê Thanh S (chết năm 1993). Căn cứ khoản 6 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội, thân nhân của ông Lê Ứng U là ông Lê Song T, bà Lê Thị Kim N, ông Lê Thanh H theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[3.1.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Song T, hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Quyết định số 2282/QĐ-BHXH ngày 27/7/2017 của Bảo hiểm Xã hội

Thành phố Hồ Chí Minh *(BL 155)*, Phiếu chi số 01375 ngày 11/8/2017 *(BL 154)* tiền trợ cấp mai táng của ông Lê Ứng U là 13.000.000 đồng, tiền trợ cấp tuất một lần của ông Lê Ứng U là 20.331.900 đồng. Căn cứ phiếu chi số 01375 ngày 11/8/2017 và sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa thì số tiền này do ông T thay mặt bà N, ông H nhận thay và hiện đang quản lý.

[3.1.3] Ông T cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá chứng cứ ông đưa ra, xét thấy căn cứ hợp đồng mai táng ngày 10/7/2017 *(BL 136)*, hóa đơn bán hàng ngày 15/7/2017 *(BL 135)*, hóa đơn bán hàng ngày 18/7/2017 *(BL 134)*, hợp đồng xây mộ ngày 18/7/2017 *(BL 133)*, bà N đã chi trả các chi phí cho đám tang của ông Lê Ứng U nên bà là người lo mai táng cho ông U, điều này phù hợp với quy định tại Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006: *"chi phí hợp lý cho việc mai táng bao gồm: các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng..."*. Căn cứ Điều 66 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 *"người lo mai táng được nhận một lần trợ cấp mai táng"*, tiền trợ cấp mai táng không phải là tài sản thuộc sở hữu chung của thân nhân ông U nên yêu cầu của ông T về việc chia đều tiền trợ cấp mai táng cho bà N, ông T, ông H là không có cơ sở.

[3.1.4] Căn cứ Điều 69 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về các trường hợp hưởng trợ cấp tuất một lần thì số tiền 20.331.900 đồng thuộc sở hữu chung của các thân nhân của ông U là bà N, ông T và ông H. Bà N, ông T và ông H thống nhất chia tiền trợ cấp tuất một lần của ông U thành 03 phần, mỗi người được hưởng một phần là 6.777.300 đồng. Ông H tự nguyện cho bà N phần tiền ông H được chia và bà N đồng ý nhận. Như vậy, ông T phải trả cho bà N là 13.554.600 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là 13.000.000 đồng + 13.554.600 đồng = 26.554.600 đồng, bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền này ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông Lê Song T phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N được Tòa án chấp nhận.

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bị đơn ông Lê Song T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

[3.4] Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 2493/2018/DS – ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 264, Điều 293, Điều 296, Điều 306, Điều 307, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 6 Điều 3, Điều 66, Điều 69, Điều 70 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng Luật Thi hành án năm 2008;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Song T trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Song T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 2493/2018/DS – ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N về việc yêu cầu bà Lê Thị L phải liên đới trách nhiệm với ông Lê Song T trả số tiền 26.554.600 đồng.

2. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Song T về việc buộc bà Lê Thị Kim N và ông Lê Thanh H trả số tiền 297.778.100 đồng là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Q để lại.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Kim N. Buộc ông Lê Song T phải trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền là 26.554.600 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì ông T phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chưa thi hành.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Song T phải chịu án phí là 988.865 đồng (chín trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm sáu mươi lăm đồng), nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí là 5.194.000 đồng (năm triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003866 ngày 22/01/2018 cho của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, sau khi cấn trừ ông Lê Song T được nhận lại 4.205.135 đồng (bốn triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

Bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí là 677.730 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm ba mươi đồng), nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí là 825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003123 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Sau khi cấn trừ bà Lê Thị Kim N được nhận lại số tiền 147.270 đồng (một trăm bốn mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi đồng).

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Song T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005972 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM);
- TAND quận Bình Thạnh;
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM);
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trương Văn Hiền